

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỰC HIỆN VIỆC RÀO ĐÓNG, THU HẸP LỐI ĐI TỰ MỞ,
CẤM BIỂN "CHÚ Ý TÀU HỎA" VÀ CÔNG TÁC CẢNH GIỚI TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Đơn vị quản lý bảo trì (Công ty CPĐS)	Địa phương (tỉnh, TP)	Tổng số lỗi đi tự mở tính đến 16/12/ 2024	Số lỗi đi tự mở xóa bỏ trong 6 tháng 2025	Lối đi tự mở còn lại tính đến 15/6/2025					LĐTM dự kiến xóa bỏ trong 6 tháng cuối năm 2025	Cấm biển "chú ý tàu hỏa"		Thu hẹp lối đi tự mở		Công tác cảnh giới				XD gồ, gờ giảm tốc			Kế hoạch lộ trình xóa bỏ LĐTM của UBND tỉnh, thành phố (số của kế hoạch...)
				Tổng số lỗi đi tự mở tính đến 15/6/ 2025	công cộng có chiều rộng ≤ 1,5m	công cộng có chiều rộng < 3m và >1,5m	công cộng có chiều rộng ≥ 3m	vào một vài hộ dân		Tổng số lỗi đi đã cấm biển (lỗi đi)	thực hiện trong 6 tháng 2025	Tổng số lỗi đi đã thu hẹp (lỗi đi)	thực hiện trong 6 tháng 2025	Các đơn vị đường sắt		Địa phương		Các vị trí cần XD	Thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2025	Lũy kế Các vị trí đã XD	
														Tổng số điểm cần cảnh giới	Đang thực hiện cảnh giới	Đề nghị cảnh giới	Đang thực hiện cảnh giới				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Yên Lào	Lào Cai																				Số:283KH-UBND ngày 18/10/2020
	Yên Bái																				Số: 97/KH-UBND ngày 15/4/2021

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ HÀNG RÀO, ĐƯỜNG GOM, ĐƯỜNG NGANG, HÀM CHUI, CẦU VƯỢT ĐƯỜNG SẮT

STT	Đơn vị quản lý, bảo trì (Cty CPĐS)	Địa phương (tỉnh, TP)	XD đường gom			XD hàng rào			XD đường ngang mới			XD hầm chui mới			XD cầu vượt ĐS			Ghi chú
			Kế hoạch cần XD (km)	Số lượng XD trong 6 tháng đầu năm 2025 (md)	Lũy kế số lượng đã XD (md)	Kế hoạch cần XD (md)	Số lượng XD trong 6 tháng đầu năm 2025 (md)	Lũy kế số lượng đã XD (md)	Kế hoạch cần XD (đườn g)	Số ĐN XD trong 6 tháng đầu năm 2025 (đường)	Lũy kế số lượng ĐN đã XD (đường)	Kế hoạch cần XD (cái)	Số lượng hầm chui XD trong 6 tháng đầu năm 2025 (cái)	Lũy kế số lượng hầm chui đã XD (cái)	Kế hoạch cần XD (cái)	Số lượng cầu vượt XD trong 6 tháng đầu năm 2025 (cái)	Lũy kế số lượng cầu vượt đã XD (cái)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Yên Lào	Lào Cai	21.529						8			11						
2		Yên Bái	39.03						4			23						